

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 162/2017/HC-PT

Ngày 28 - 7 - 2017

V/v “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Trần Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 359/2017/QĐ - PT ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1940; (có mặt)

Địa chỉ: số 420, khóm T1, phường T2, thành phố S, tỉnh Đ

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân thành phố S;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S;

Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S: Ông Huỳnh Thanh C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2017) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trình bày của người khởi kiện:*

Phần đất 296,5m² đất ở đô thị, thửa số 330b, tờ bản đồ số 1a, quyền sử dụng cấp cho ông Nguyễn Ngọc D, nằm trong dự án xây dựng công trình Bến lên hàng hóa hoa kiểng S thuộc phường T2, thị xã S, nay là thành phố S. Trên phần đất này ông D có cho anh Huỳnh Xuân V thuê cất nhà kho để làm cơ sở lau bóng gạo.

Theo Công văn số 104/UBND-XDCB ngày 06/3/2009 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đ thống nhất chủ trương cho phép UBND thị xã S đầu tư Dự án xây dựng Bến lên hàng hóa hoa kiểng S.

Ngày 07/12/2009, UBND thị xã ban hành Quyết định số 328/QĐ.UBND-HC phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Bến lên hàng hóa hoa kiểng S.

Ngày 13/4/2010, UBND thị xã ban hành Quyết định số 95/QĐ.UBND-HC phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình mở rộng Bến lên hàng hóa hoa kiểng S.

Ngày 07/10/2010, UBND thị xã ban hành Quyết định số 457/QĐ.UBND-HC thu hồi đất của Nguyễn Ngọc Đ là 296,5m² đất cây lâu năm.

Ngày 19/10/2010, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thị xã ban hành Quyết định số 410/QĐ.HĐ BTHT&TĐC bồi thường thiệt hại về đất, nhà ở, công trình phụ và các chính sách hỗ trợ cho bà Nguyễn Ngọc Đ, tổng cộng là 222.049.360đ.

Ngày 19/10/2010, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thị xã ban hành Quyết định số 411/QĐ.HĐ BTHT&TĐC bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ và các chính sách hỗ trợ cho ông Huỳnh Xuân V, tổng cộng là 234.731.580đ

Ông Nguyễn Ngọc D không đồng ý khiếu nại việc áp giá, thu hồi sai thửa đất và loại đất; yêu cầu nâng giá bồi thường về đất ở từ 1.000.000đ lên 3.000.000đ; yêu cầu tính lại hòn non bộ.

Ngày 19/8/2011, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại của ông D. Nội dung: chấp nhận bồi thường thiệt hại phần đất theo loại đất ở đô thị; bồi thường hồ cá, hòn non bộ theo kết cấu bê tông cốt thép và hỗ trợ chi phí di dời là 500.000đ (05 nhân công làm việc một ngày). Bác khiếu nại nâng giá bồi thường thiệt hại về đất ở lên 3.000.000đ/m².

Ngày 25/10/2011, UBND thị xã ban hành Quyết định số 394/QĐ.UBND-HC để điều chỉnh Quyết định số 457/QĐ.UBND-HC.

Ngày 14/11/2011, UBND thị xã ban hành Quyết định 424/QĐ.UBND-HC phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình mở rộng Bến lên hàng hóa hoa kiểng S.

Ngày 28/11/2011, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thị xã ban hành Quyết định số 401/QĐ.HĐ BTHT&TĐC bổ sung bồi thường thiệt hại về đất, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ cho ông D là 78.661.360đ.

Thực hiện theo Thông báo số 79/VP.UBND-ND ngày 02/4/2013 của Văn phòng UBND tỉnh Đ về ý kiến kết luận, chỉ đạo của UBND Tỉnh nên UBND thị xã ban hành Quyết định số 180/QĐ.UBND-HC ngày 26/6/2013 phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình mở rộng Bến lên hàng hóa hoa kiểng S, nâng giá đất từ 1.000.000đ lên 1.500.000đ.

Ngày 05/7/2013, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thị xã ban hành Quyết định số 155/QĐ.HĐ BTHT&TĐC bổ sung bồi thường thiệt hại về đất cho ông Nguyễn Ngọc D là 148.250.000đ.

Ông Nguyễn Ngọc D khiếu nại yêu cầu bồi thường 36 lượng vàng và 75.000.000đ là lợi tức từ hợp đồng cho thuê đất làm kho lau bóng gạo trong thời gian 15 năm, vì ông bị thu hồi đất để xây dựng công trình Bến lên hàng hóa hoa kiểng S nên không thực hiện hợp đồng với bên thuê đất.

Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định số 133/QĐ.UBND-NĐ giải quyết khiếu nại. Nội dung: bác khiếu nại của ông D.

Không đồng ý với quyết định trên, ông D tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 15/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại. Nội dung: chuẩn y Quyết định số 133/QĐ.UBND-NĐ.

Ngày 10/3/2015, ông Nguyễn Ngọc D khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu hủy các Quyết định như sau:

- Quyết định số: 457/QĐ.UBND-NĐ ngày 07/10/2010 của UBND thị xã S (nay là thành phố S);

- Quyết định số: 410/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S);

- Quyết định số: 401/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 28/11/2011 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S);

- Quyết định số 411/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S);

- Quyết định số 155/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 05/7/2013 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S)

- Quyết định 133/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/7/2013 của Chủ tịch UBND thị xã S (nay là thành phố S);
- Quyết định 164/QĐ-UBND-NĐ ngày 19/8/2011 của Chủ tịch UBND thị xã S (nay là thành phố S);
- Quyết định số: 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Người khởi kiện cho rằng: UBND thành phố S ban hành các quyết định không đúng trình tự, thủ tục như không công bố sơ đồ quy hoạch, chưa có phê duyệt công trình của tỉnh mà lại thu hồi đất, khi thu hồi đất thì không lập bản kê khai tài sản trên đất, thu hồi đất thiếu của ông 43,58m², bồi thường còn thiếu nhiều hạng mục, giá bồi thường thấp so với qui định, không thương lượng với ông về thu hồi đất và giá bồi thường theo Điều 41 Nghị định 84/2007 vì trường hợp của ông không phải thu hồi đất theo Điều 42 Luật đất đai và Điều 6 Nghị định 197/2004. Phần đất trên ông cho ông Huỳnh Xuân V thuê 15 năm, từ năm 2011-2026, mỗi năm 2,4 lượng vàng 24k và 5.000.000đ, ông V thanh toán cho ông được 01 năm còn lại 14 năm.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố S bồi thường giá đất là 4.000.000đ/m², với diện tích là 340m², hồ cá và hòn non bộ giá 10.000.000đ, tái định cư cho ông hai nền nhà ở tuyến đường Trần Thị N, yêu cầu bồi thường hợp đồng thuê đất giá 100.000.000đ/năm x 14 năm là 1.400.000.000đ.

- *Trình bày của người bị kiện:*

+ Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S trình bày: không đồng ý hủy các quyết định số 457, 410, 401, 411, 155, 133, 164, và không đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D, lý do: Ủy ban nhân dân đã căn cứ vào Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Đ ban hành Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đ để ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, Quyết định bồi thường bổ sung, Quyết định giải quyết khiếu nại cho ông Nguyễn Ngọc D là đúng trình tự, thủ tục.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không đồng ý hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014, lý do: Căn cứ vào khoản 1 Điều 38, Điều 106, 107 Luật đất đai năm 2003, khoản 6 Điều 166, khoản 7 Điều 170 Luật đất đai 2013, Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Đ về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đ, Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Đ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ, Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ban hành về giá chuẩn xây dựng mới. Ông Nguyễn Ngọc D xác lập hợp đồng cho thuê đất trên một phần diện tích bị thu hồi sau khi có quyết định thu hồi đất của Nhà nước nên Quyết định số 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014 là đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu hủy

Quyết định số: 457/QĐ.UBND-HC ngày 07/10/2010 của UBND thị xã S (nay là thành phố S),

Quyết định số: 410/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S,

Quyết định số: 401/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 28/11/2011 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S,

Quyết định số 155/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 05/7/2013 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S),

Quyết định 133/QĐ.UBND-NĐ ngày 31/7/2013 của Chủ tịch UBND thị xã S,

Quyết định 164/QĐ-UBND-NĐ ngày 19/8/2011 của Chủ tịch UBND thị xã S (nay là thành phố S),

Quyết định số: 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Ngọc D.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 411/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/5/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của người khởi kiện và ông nêu các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông đã nộp đầy đủ tại tòa sơ thẩm ông không nộp bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

Phía bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tổ tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn

cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm;

Căn cứ phần trình bày của các đương sự; các chứng cứ đã thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm thì nội dung vụ việc mà các đương sự trong vụ kiện thừa nhận như đã nêu trên. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về một số nội dung nên dẫn đến tranh chấp cụ thể:

Người khởi kiện cho rằng: UBND thành phố S ban hành các quyết định không đúng trình tự, thủ tục như không công bố sơ đồ quy hoạch, chưa có phê duyệt công trình của tỉnh mà lại thu hồi đất, khi thu hồi đất thì không lập bản kê khai tài sản trên đất, thu hồi đất thiếu của ông 43,58m², bồi thường còn thiếu nhiều hạng mục, giá bồi thường thấp so với qui định, không thương lượng với ông về thu hồi đất và giá bồi thường theo Điều 41 Nghị định 84/2007 vì trường hợp của ông không phải thu hồi đất theo Điều 42 Luật đất đai và Điều 6 Nghị định 197/2004. Phần đất trên ông cho ông Huỳnh Xuân V thuê 15 năm, từ năm 2011-2026, mỗi năm 2,4 lượng vàng 24k và 5.000.000đ, ông V thanh toán cho ông được 01 năm còn lại 14 năm. Do đó, người bị kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố S bồi thường giá đất là 4.000.000đ/m², với diện tích là 340m², hồ cá và hòn non bộ giá 10.000.000đ, tái định cư cho ông hai nền nhà ở tuyến đường Trần Thị N, yêu cầu bồi thường hợp đồng thuê đất giá 100.000.000đ/năm x 14 năm là 1.400.000.000đ.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S không đồng ý hủy các quyết định số 457, 410, 401, 411, 155, 133, 164, và không đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D, lý do: Ủy ban nhân dân thành phố S đã căn cứ vào Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Đ ban hành Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đ để ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, Quyết định bồi thường bổ sung, Quyết định giải quyết khiếu nại cho ông Nguyễn Ngọc D là đúng trình tự, thủ tục.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không đồng ý hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014, lý do: Căn cứ vào khoản 1

Điều 38, Điều 106, 107 Luật đất đai năm 2003, khoản 6 Điều 166, khoản 7 Điều 170 Luật đất đai 2013, Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Đ về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đ, Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh Đ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ, Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ban hành về giá chuẩn xây dựng mới. Ông Nguyễn Ngọc D xác lập hợp đồng cho thuê đất trên một phần diện tích bị thu hồi sau khi có quyết định thu hồi đất của Nhà nước nên Quyết định số 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014 là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy; Tòa cấp sơ thẩm nhận định và không chấp nhận phần trình bày của người khởi kiện cho rằng thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị kiện không đúng là có căn cứ pháp luật. Bởi; Căn cứ khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003, Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân... sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế. Việc Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) ban hành hành các Quyết định 457/QĐ.UBND-HC ngày 07/10/2010, Quyết định số: 410/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010, Quyết định số 394/QĐ.UBND-HC ngày 25/10/2011 của UBND thị xã S, Quyết định số: 401/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 28/11/2011, Quyết định số 411/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010, Quyết định số 155/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 05/7/2013 là đúng thẩm quyền.

Căn cứ khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 133/QĐ.UBND-NĐ ngày 31/7/2013, Quyết định giải quyết khiếu nại số 164/QĐ-UBND-NĐ ngày 19/8/2011 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014 là đúng thẩm quyền.

Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ và qui định của pháp luật hiện hành để đánh giá nhận định (phần nhận định tại các trang 9, 10, 11 của bản án sơ thẩm) và phán quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người bị kiện về việc đề nghị Tòa án hủy các Quyết định hành chính bị kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Xét yêu cầu của ông D về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố S bồi thường khoản tiền 1.400.000 đồng là tiền bị thiệt hại từ hợp đồng cho thuê đất xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm nhận định: Ông D nhận quyết định thu hồi đất vào ngày 03/11/2010, nhưng đến ngày 14/10/2011 ông D lại lập hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Xuân V trong thời hạn 15 năm (từ 2011 đến 2026) là không đúng. Bởi, ông D biết được đất đã bị thu hồi mà vẫn cho thuê là vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất được quy định tại khoản 7 Điều 107

Luật đất đai 2003. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định bác khiếu nại của ông là đúng với quy định pháp luật. Do đó việc không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông D của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng nên Tòa cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D về phần này.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D, giữ nguyên án sơ thẩm

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu hủy

Quyết định số: 457/QĐ.UBND-HC ngày 07/10/2010 của UBND thị xã S (nay là thành phố S),

Quyết định số: 410/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S,

Quyết định số: 401/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 28/11/2011 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S,

Quyết định số 155/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 05/7/2013 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S),

Quyết định 133/QĐ.UBND-NĐ ngày 31/7/2013 của Chủ tịch UBND thị xã S,

Quyết định 164/QĐ-UBND-NĐ ngày 19/8/2011 của Chủ tịch UBND thị xã S (nay là thành phố S),

Quyết định số: 170/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Ngọc D.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 411/QĐ.HĐ BTHT&TĐC ngày 19/10/2010 của Hội đồng BTHT&TĐC thị xã S (nay là thành phố S).

Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Ngọc D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm và 54.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 54.200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 032326 ngày 24/3/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ông D còn phải nộp thêm 54.000.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc D phải chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 06669 ngày 10/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Những phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ(1),VP(3),13b (TPQ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

